

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 117/2023/DS-ST

Ngày: 29 – 9 - 2023

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.
Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Nguyễn Trung Du.**
2. Bà: **Trần Thị Thu Hà.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia
phiên tòa.**

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2023/TLST – DS ngày 26 tháng 6
năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 246/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân
huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị P**, sinh năm: 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: 1. Ông **Phạm Văn T**, sinh năm: 1967 (vắng).

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1968 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị **Hồ Thị Thúy S**, sinh
năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2023, trong quá trình tham gia tố tụng
và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đặng Thị P trình bày:**

Bà là đầu thảo hụi còn ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc D là hụi
viên. Ông T và bà Điều tham gia của bà 01 dây hụi: Hụi mở ngày 12/02(âl)/2017
nhằm ngày 09/3(dl)/2017 mần hụi ngày 19/11(âl)/2021 nhằm ngày
22/12(dl)/2021 loại hụi lúa nhưng quy ra tiền là 5.000.000đ, bốn tháng khui hụi
một lần, có 15 phần, tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.000.000đ/lần khui hụi, ông
T và bà D tham gia một phần. Đến lần khui hụi thứ 10 thì ông T và bà D hốt hụi
được số tiền 53.000.000đ. Sau khi hốt hụi thì ông T và bà D không đóng tiền hụi

chết lại cho bà. Bà đã choàng hụi cho ông T và bà D 05 lần với số tiền là 25.000.000đ.

Sau đó bà có đến tìm bà D, ông T để yêu cầu bà D, ông T trả tiền hụi cho bà nhưng bà D không đồng ý trả tiền hụi chết cho bà mà bà D nói đã giao hụi qua cho chị Hồ Thị Thúy S và yêu cầu bà đến gặp chị S để yêu cầu chị S trả tiền hụi cho bà nhưng bà không đồng ý.

Nay bà yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Điều phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi là 25.000.000đ.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn xin vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 14/7/2023, trong quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:** Bà là hụi viên còn bà P là đầu thảo hụi. Bà có tham gia của bà P 01 dãy hụi cụ thể: Hụi mở ngày 12/02(âl)/2017 nhằm ngày 09/3(dl)/2017 mãn hụi ngày 19/11(âl)/2021 nhằm ngày 22/12(dl)/2021 loại hụi lúa nhưng quy ra tiền là 5.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, có 15 phần, tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.000.000đ/lần khui hụi, bà tham gia một phần. Đến lần khui hụi thứ 10 thì bà hốt hụi được số tiền 53.000.000đ nhưng bà P chỉ giao tiền hụi cho bà là 43.000.000đ, bà P còn thiếu tiền hụi bà là 10.000.000đ. Do chị Hồ Thị Thúy S còn thiếu tiền của bà P nhưng thiếu số tiền bao nhiêu thì bà không biết. Nên bà P có nói với bà để bà P lấy tiền của chị S sẽ trả tiền hụi cho bà 10.000.000đ. Khoảng 02 tháng sau do bà P không trả cho bà 10.000.000đ tiền hụi nên bà đến gặp chị S thì giữa bà và chị S có ghi một tờ giấy tay là bà P không giao tiền hụi cho bà còn lại 10.000.000đ thì chị S phải trả tiền hụi cho bà 04 phần hụi chết là 20.000.000đ còn lại 01 phần hụi chết là 5.000.000đ thì bà sẽ trả tiền hụi cho bà P khi đó có bà và chị S cùng ký tên vào biên nhận, biên nhận đó do bà P giữ bà không có giữ. Khi đó thì bà P không đồng ý để chị S đóng tiền hụi chết thay cho bà nhưng bà nói nếu bà P không đồng ý thì trả tiền hụi đủ cho bà là 10.000.000đ còn lại nhưng đến nay thì bà P vẫn chưa trả đủ tiền hụi cho bà nên nay bà không đồng ý theo yêu cầu của bà P, bà chỉ đồng ý trả tiền hụi chết cho bà P một phần là 5.000.000đ. Việc bà tham gia hụi của bà P thì chỉ có cá nhân bà tham gia chồng bà là ông T không biết việc bà tham gia hụi của bà P, nên nay bà chỉ đồng ý một mình cá nhân bà trả tiền hụi cho bà P, bà không đồng ý để chồng bà cùng trả tiền hụi cho bà P. Tiền bà hốt hụi mục đích để bà làm ăn riêng, bà mua lác đê phụ nữ ở xóm có công ăn việc làm.

*** Tại bảng khai ý kiến ngày 17 tháng 8 năm 2023 và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Thúy S trình bày:** chị có thiếu tiền hụi của chị P số tiền là 10.000.000đ nhưng chị không có tiền đóng cho chị P, bà D có tham gia hụi do chị P làm đầu thảo, chị và bà D là bà con nên chị có hỏi bà D cho chị mượn 10.000.000đ tiền mà bà D hốt hụi của chị P, chị và bà D thỏa thuận là chị sẽ đóng hụi chết thay cho bà D, chị mượn tiền hụi của bà D để trả tiền hụi cho chị P, việc chị mượn tiền bà D thì chị có nghĩa vụ trả cho bà D, khi nào bà D yêu cầu thì chị trả cho bà D.

Bị đơn ông T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử

vụ án. Xét việc vắng mặt của ông T không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn bà Đặng Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hội giữa bà P và bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Phạm Văn T. Bà D, ông T có nơi cư trú tại ấp Quang Hòa, xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Bị đơn bà D có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà D. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông T vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng góp hội giữa bà P và bà D, ông T được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bà P trình bày bà P là đầu thảo hội còn bà D, ông T là hội viên. Bà D, ông T có tham gia 01 dây hội của bà P. Nay bà P yêu cầu bà D, ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền nợ hội là 25.000.000đ. Bà D thống nhất bà D còn thiếu tiền hội chết của bà P 05 phần hội chết là 25.000.000đ nhưng bà P còn thiếu tiền hội của bà D 10.000.000đ do bà P chưa giao tiền hội đủ cho bà D và chị S còn thiếu tiền hội của bà P nên bà D và chị S có thỏa thuận chị S sẽ trả tiền 04 phần hội chết là 20.000.000đ thay cho bà D còn lại 01 phần hội chết là 5.000.000đ thì bà D sẽ trả cho bà P. Hội đồng xét xử xét thấy bà D trình bày bà P giao tiền hội cho bà D không đủ còn thiếu lại bà D 10.000.000đ nhưng bà P không đồng ý, bà P trình bày đã giao đủ tiền hội cho bà D. Bà D không cung cấp được chứng cứ thể hiện bà P còn thiếu tiền hội của bà D là 10.000.000đ. Sau khi hỏi hội xong thì bà P trình bày bà D, ông T còn phải đóng tiền hội chết lại cho bà P là 05 phần là 25.000.000đ thì bà D cũng thống nhất nhưng bà D trình bày đã giao cho chị S 04 phần hội chết của bà D. Việc bà D và chị S tự thỏa thuận với nhau về việc chị S trả tiền hội chết cho bà D 04 phần hội chết thì bà P không đồng ý vì theo bà P trình bày người tham gia hội của bà P là bà D và khi bà P giao tiền hội cũng giao cho bà D nên việc bà D và chị S tự thỏa thuận với nhau

về việc trả tiền hối chết cho bà P thì bà P không biết và không đồng ý, việc bà D và chị S thỏa thuận mượn tiền hối như thế nào thì tự chị S và bà D thỏa thuận vì bà P đã hoàn thành nghĩa vụ giao đủ tiền hối cho bà D.

Bà D trình bày bà D chỉ đồng ý một mình cá nhân bà D trả tiền hối cho bà P, bà D không đồng ý chồng bà D là ông T cùng liên đới với bà trả tiền hối cho bà P do việc bà D tham gia hối của bà P thì ông T không biết và tiền bà hốt hối để bà D chi xài riêng bà D.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà P là có cơ sở nên được chấp nhận. Bà D trình bày việc bà D tham gia hối của bà P thì ông T là chồng bà không biết và bà D dùng tiền hốt hối để chi xài riêng là không có cơ sở do bà D, ông T là vợ chồng, bà D đã tham gia hối của bà P hối mở năm 2017 đến năm 2021 hối mới mãn, thể hiện một khoản thời gian dài mà ông T không biết là không có cơ sở chấp nhận. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì Tòa án đã niêm yết đủ đủ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng không T cố tình vắng mặt không cung cấp ý kiến cho Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình buộc bà D, ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền nợ hối là 25.000.000đ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà D, ông T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Phạm Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Đặng Thị P số tiền nợ hối là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải bầu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Phạm Văn T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Đặng Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị P tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰0009618, ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh